

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 23/9/2021.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đường Anh Sơn;  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Mỹ;  
Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 88/2021/TBXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021; số: 91/2021/TBXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021; số: 104/2021/TBXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 và số: 113/2021/TBXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1983; (vắng mặt)  
Địa chỉ: 66, tổ 7, khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- 2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; (vắng mặt)  
Địa chỉ: 66, tổ 7, khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến tháng 01/2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông

H là người thích bài bạc, không lo đi làm, một mình bà phải gánh vác kinh tế gia đình, đồng thời ông H thường hay ghen tuông vô cớ nên tình cảm vợ chồng không còn như trước. Vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Tuy sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan tâm đến nhau. Từ tháng 7/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Ngọc My L, sinh ngày 02/4/2011. Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 4.000.000đ/tháng; tuy nhiên sau đó bà thay đổi ý kiến không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Ông kết hôn với bà L vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông nhiều lần được bạn bè cho biết là vợ ông có quan hệ bất chính với người đàn ông tên N, còn ông thì chưa từng bắt gặp; ông nhiều lần nói chuyện với vợ về việc này nên chấm dứt, nhưng vợ ông không nghe mà phủ nhận tất cả. Bản thân ông khi biết vợ như thế nên đâm ra buồn chán và có đi đánh bạc một thời gian. Tháng 7/2019, vợ ông đã một lần nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn về để vợ chồng hàn gắn và cho ông cơ hội sửa đổi, nhưng sửa đổi hay không phải do từ hai phía, tuy nhiên từ đó cho đến nay mặc dù sống chung nhưng vợ chồng vẫn không còn tình cảm như trước, sinh hoạt tình dục giữa vợ chồng không còn. Do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không phải lỗi do ông, mà là từ hai bên, cả vợ ông cũng có lỗi.

Nay tình cảm vợ chồng đã không còn như trước, nhưng ông không đồng ý ly hôn và mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng hàn gắn với nhau cùng nuôi dạy con cái. Nếu vợ ông cương quyết ly hôn thì tùy vợ ông quyết định, còn ông thì vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Ngọc My L, sinh ngày 02/4/2011. Nếu vợ ông vẫn cương quyết ly hôn, ông sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng để lo cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử, bên nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bên đương sự. Về đường lối

giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc L, cho bà L được ly hôn với ông H, vì mâu thuẫn giữa hai bên đã thật sự trầm trọng; về con chung giao cháu Nguyễn Ngọc My L, sinh ngày 02/4/2011 cho bà L nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng cho con do bà L không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung do ông H, bà L khai tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Văn H, nơi cư trú tại nhà số 66, tổ 7, khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình giải quyết vụ án nhưng ông H vắng mặt tại phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Ngọc L kết hôn với ông Nguyễn Văn H và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 01, ngày 24/11/2009; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà L và ông H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà L, ông H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tuy sống chung nhà nhưng cả hai đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay; bản thân ông H cũng thừa nhận vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được; mặc dù không đồng ý ly hôn với bà L nhưng ông cũng không giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn, nhưng ông H không hợp tác, chứng tỏ ông H bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa hai bên, còn bà L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà L và ông H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc My L, sinh ngày 02/4/2011. Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L; hiện cháu L có nguyện vọng ở với mẹ; ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu L cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do bà L không yêu cầu, nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng; vì không trực tiếp nuôi con nên H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông H khai tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc My L, sinh ngày 02/4/2011 cho bà Nguyễn Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông H khai tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006205 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 124, ngày 24/11/2009);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đường Anh Sơn**